Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 02.07.2019 15:57:14 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1387 /UBND-KTTC	*Tây Ninh, ngày 01 tháng 7 năm 2019*
V/v báo cáo đánh giá 10 năm thực hiện tiêu chí Thủy lợi trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020	

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi

Thực hiện Công văn số 651/TCTL-QLCT ngày 17/5/2019 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo đánh giá 10 năm thực hiện tiêu chí Thủy lợi trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (XDNTM) giai đoạn 2010-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THỦY LỢI TRONG XDNTM GIAI ĐOẠN 2010-2020

1. Việc ban hành các văn bản cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí thủy lợi

a) Ban hành các văn bản cơ chế chính sách, hỗ trợ

Để hỗ trợ hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng và hoàn thiện tiêu chí thủy lợi trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã ban hành, triển khai thực hiện tại các Quyết định: số 56/2009/QĐ-UBND ngày 22/10/2009 về quy định tạm thời một số biện pháp thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí; số 61/2009/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 952/2006/QĐ-UBND ngày 12/10/2006; số 53/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế- xã hội xã NTM giai đoạn 2011-2015; số 12/2014/QĐ-UBND ngày 13/5/2014 ban hành quy định mức chi đầu tư xây dựng, chi duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, chi hỗ trợ các hoạt động khuyến nông và chi hỗ trợ xây dựng, phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất mới có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế xã hội xã NTM giai đoạn 2016-2020.

b) Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện

Trên cơ sở các văn bản của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chương trình MTQG XDNTM, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã ban hành các văn bản: Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 về Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 -2020 (hiện nay đã được thay thế bằng Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 29/5/2018); Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 quy định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 thành lập, kiện toàn Đoàn thẩm định kết quả thực hiện tiêu chí NTM, điều kiện công nhận xã đạt chuẩn NTM tỉnh Tây Ninh

giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 quy định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 – 2020;

Ngoài ra, thực hiện Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016–2020 và Quyết định số 1200/QĐ-UBND, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Hướng dẫn số 2561/HD-SNN ngày 13/10/2017 về việc thực hiện, đánh giá và trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận xã đạt các tiêu chí, chỉ tiêu NTM thuộc ngành Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016–2020; trong đó, quy định cụ thể chi tiết nội dung thực hiện và trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận xã đạt tiêu chí thủy lợi.

(phụ lục I kèm theo)

2. Kết quả thực hiện đến tháng 5/2019

a) Kết quả thực hiện nội dung hoàn thiện thủy lợi nội đồng

(phụ lục II kèm theo)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí thủy lợi trong đánh giá đạt huyện NTM, chỉ tiêu 3.1 của tiêu chí Thủy lợi trong đánh giá đạt xã NTM

(phụ lục III kèm theo)

c) Kết quả phân bổ, huy động nguồn lực đầu tư hoàn thiện thủy lợi nội đồng

(phụ lục IV kèm theo)

d) Kết quả phân bổ kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi

(phụ lục V kèm theo)

3. Đánh giá chung

a) Đánh giá về nội dung, chỉ tiêu của tiêu chí thủy lợi trong từng giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020.

- Trong Bộ tiêu chí xã NTM:

+ Giai đoạn 2011-2015: Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về NTM, Tiêu chí thủy lợi đạt phải đủ hai điều kiện: Điều kiện 3.1- Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh; điều kiện 3.2-Tỷ lệ Km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hoá đạt 85%, nội dung tiêu chí này không khả thi, vì nguồn lực đầu tư quá lớn trong khi ngân sách địa phương rất hạn hẹp nên thực hiện còn gặp nhiều khó khăn.

+ Giai đoạn 2016-2020: Xã đạt chuẩn tiêu chí Thủy lợi phải đạt hai chỉ tiêu: Chỉ tiêu 3.1 - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu

nước chủ động đạt từ 80% trở lên; chỉ tiêu 3.2 - Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ. Nội dung tiêu chí thủy lợi giai đoạn 2016-2020 có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên việc thống kê diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động tại các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với diện tích ngoài vùng tưới hệ thống thủy lợi.

- Trong Bộ tiêu chí huyện NTM: Chưa thực hiện.

b) Đánh giá kết quả nổi bật đạt được trong 10 năm qua

Nhằm đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động, trong 10 năm qua tỉnh đã quan tâm đầu tư xây dựng mới 37 dự án công trình, với tổng kinh phí 1.661,312 triệu đồng; nâng cấp, duy tu sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi hiện có với kinh phí 193.441 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp thủy lợi, thủy lợi phí hàng năm; kiên cố hóa 239 km kênh mương, với tổng kinh phí 113.628 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình MTQG XDNTM và huy động vốn đóng góp của người dân, một số dự án trọng điểm hoàn thành đưa vào sử dụng, tăng diện tích tưới, tiêu: Dự án Thuỷ lợi Phước Hoà - Khu tưới Tân Biên, Thành phần III - KCH kênh mương, trạm bơm Long Phước A, Hòa Thạnh II, Đê bao chống lũ ven sông Vàm Cỏ (tiểu vùng 1, 5); nâng cấp mở rộng suối Cầu Đúc, suối Bà Tươi, vùng lúa chất lượng cao xã An Thạnh, huyện Bến Cầu...; đặc biệt đang triển khai thực hiện dự án trọng điểm Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông phục vụ tưới tiêu cho gần 16.953 ha đất nông nghiệp, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, sinh hoạt và chăn nuôi cho người dân 02 huyện Châu Thành và Bến Cầu; các dự án đầu tư hạ tầng thủy lợi phục vụ vùng phát triển nông nghiệp chuyển đổi cây trồng với diện tích khoảng 8.389 ha.

Kết quả đến nay, diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tăng thêm 43.524 ha (diện tích tưới năm 2011 là 106.040 ha, năm 2018 là 149.565 ha); cấp nước công nghiệp khoảng 4,2 triệu m^3, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng, phát triển mô hình canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn với diện tích năm 2018 khoảng 32.592 ha; số xã đạt Tiêu chí thủy lợi 35/80 xã.

c) Đánh giá hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

Nguồn vốn đầu tư duy tu, bảo dưỡng công trình để đạt yêu cầu của tiêu chí thủy lợi trong Chương trình MTQG XDNTM còn thiếu, vốn ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn, nguồn lực huy động chưa đáp ứng yêu cầu mục tiêu, nhiệm vụ, có nơi còn trông chờ vào sự đầu tư của ngân sách nhà nước, chưa nhận thức đúng ý nghĩa nhà nước và nhân dân cùng thực hiện trong XDNTM.

Hệ thống kênh tưới, tiêu chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhất là cây trồng cạn, cây trồng có giá trị kinh tế cao.

Nguyên nhân: Hệ thống công trình thuỷ lợi sau nhiều năm sử dụng (sau gần 35 năm), tuy được nâng cấp, sửa chữa nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cây trồng ngày càng nhanh của Nhân dân; công tác quản lý, khai thác chưa

đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay, nhất là mạng lưới kênh mương nội đồng. Vì vậy, việc sửa chữa, nâng cấp và tăng cường quản lý khai thác thủy lợi công trình là rất cần thiết, nhằm đảm bảo tuổi thọ và nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình.

4. Bài học kinh nghiệm rút ra qua 10 năm thực hiện, đề xuất kiến nghị cần thiết để duy trì bền vững kết quả đạt được

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về thực hiện tiêu chí thủy lợi nói riêng và Chương trình MTQG XDNTM nói chung.

Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền và mặt trận đoàn thể các cấp.

Lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các Chương trình, dự án để đầu tư tập trung không dàn trải.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THỦY LỢI TRONG NĂM 2020

Theo Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2020, theo đó:

- Số huyện đạt tiêu chí thủy lợi: 02 huyện (thành phố Tây Ninh và huyện Hòa Thành).
- Số xã đạt tiêu chí thủy lợi: 04 xã
- Số xã đạt chỉ tiêu 3.1 của tiêu chí thủy lợi: 04 xã

III. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THỦY LỢI GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Định hướng

Căn cứ vào kết quả đạt được sau 10 năm thực hiện tiêu chí Thủy lợi, yêu cầu thúc đẩy XDNTM sau năm 2020, đồng thời tiếp tục duy trì, phấn đấu đạt xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (2010-2020) đảm bảo phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp và dân sinh, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể:

- Về tiêu chí Thủy lợi đối với xã đạt chuẩn NTM: Tiếp tục duy trì, phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên; đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

+ Chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025: 20 xã

+ Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030: 20 xã

- Về tiêu chí Thủy lợi đối với xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: Duy trì và nâng cao tiêu chí đối với các xã đạt chuẩn NTM

+ Chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025: 40 xã

+ Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030: 40 xã

- Về tiêu chí Thủy lợi đối với huyện đạt chuẩn NTM: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi liên xã theo quy hoạch thủy lợi, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác trong tình hình biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp.

+ Chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025: 05 huyện, thành phố.

+ Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030: 04 huyện.

2. Giải pháp chủ yếu để thực hiện

Triển khai kịp thời dự án Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035, cụ thể: Đến năm 2035, cần phải tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cấp số lượng công trình thủy lợi gồm: 08 hệ thống kênh tưới, 12 trạm bơm, 08 đập dâng, 37 hệ thống đê bao và nạo vét, nâng cấp 42 hệ thống kênh tiêu, suối, rạch, theo đó diện tích tưới tăng thêm 58.500 ha, diện tích được tưới trực tiếp từ công trình thủy lợi là 107.200 ha, đạt tỷ lệ 50,0% tổng diện tích cây trồng cần tưới.

Củng cố tổ chức, bộ máy, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về thủy lợi từ tỉnh đến huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; tổ chức quản lý vận hành hệ thống công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

Quản lý, khai thác sử dụng và phát triển nguồn nước đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nhiệm vụ, yêu cầu trước mắt và không mâu thuẫn với nhu cầu định hướng phát triển trong tương lai.

Đẩy mạnh mời gọi đầu tư, huy động mọi nguồn lực của Doanh nghiệp, Nhân dân để đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi.

Áp dụng khoa học công nghệ vào công tác tưới để giảm nhân lực; tiết kiệm nước, triệt để duy tu sửa chữa công trình; xây dựng tích hợp cơ sở dữ liệu hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3. Dự kiến nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực thực hiện đầu tư, quản lý công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025

(phụ lục VI kèm theo)

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để thực hiện chỉ tiêu 3.1 tiêu chí thủy lợi trong chương trình MTQG XDNTM đạt hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh kính đề nghị Tổng cục Thủy lợi tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét:

- Hỗ trợ kinh phí để thực hiện dự án Nâng cấp, sửa chữa đập cao su hồ chứa nước Tha La, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với kinh phí khoảng 45 tỷ đồng;

- Bố trí nguồn vốn từ Trung ương để hỗ trợ thực hiện tiêu chí thủy lợi đối với các xã giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo Tổng cục Thủy lợi./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công ty TNHH MTV KTTL TN;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

17KTTC_V NAM_CVUB

5

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

Phụ lục 1

CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THỦY LỢI NỘI ĐỒNG TỪ NĂM 2010-2019

(Kèm theo Công văn số 1387/UBND-KTTC ngày 01/7/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Số hiệu văn bản	Tên văn bản	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thời gian thực hiện
1	Số 56/2009/QĐ-UBND ngày 22/10/2009	Quy định tạm thời một số biện pháp thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí	Hỗ trợ kinh phí cho UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức hợp tác dùng nước để thực hiện các nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống kênh có diện tích dưới 50 ha.	- Tổ chức hợp tác dùng nước, 8% giá trị thanh lý hợp đồng. - UBND các xã, phường, thị trấn, 1% giá trị thanh lý hợp đồng	Từ ngày 01/01/2009
2	Số 61/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 952/2006/QĐ-UBND ngày 12/10/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Hỗ trợ các huyện, thành phố đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, bổ sung kênh tưới, tiêu có diện tích dưới 50 ha nhằm hoàn chỉnh mạng lưới nội đồng trong hệ thống kênh, vùng quản lý.		Từ ngày 30/11/2009
3	Số 53/2012/QĐ-UBND ngày 26/11/2012	Quy định mức hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế-xã hội xã Nông thôn mới giai đoạn 2011-2015	Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 lĩnh vực thủy lợi.	1. Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ 100% để thực hiện kiên cố hóa kênh mương, hệ thống kênh tưới, tiêu nội đồng có diện tích tưới từ 50 ha trở lên. 2. Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ 100%, nguồn vốn huyện hỗ trợ 30% để thực hiện Kiên cố hóa kênh mương, hệ thống kênh tưới, tiêu nội đồng có diện tích tưới dưới 50 ha.	

4	Số 12/2014/QĐ-UBND ngày 13/5/2014	Ban hành quy định mức chi đầu tư xây dựng, chi duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, chi hỗ trợ các hoạt động khuyến nông và chi hỗ trợ xây dựng, phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất mới có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Hỗ trợ đầu tư xây dựng và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.	- Mức chi: 450.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa nước; 90.000 đồng/ha/năm đối với đất lúa khác (tương ứng 90% mức Trung ương hỗ trợ). - Nội dung chi: Ưu tiên đầu tư thủy lợi; giao thông nông thôn; kiên cố hóa kênh mương (bao gồm cả hỗ trợ đầu tư thủy lợi, giao thông nội đồng); hạ tầng làng nghề ở nông thôn; hạ tầng nuôi trồng thủy sản và các nội dung đầu tư khác liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới - Kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố từ nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ.	
5	Số 34/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016	Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 lĩnh vực thủy lợi.	1. Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ 100% để thực hiện kiên cố hóa kênh mương, hệ thống kênh tưới, tiêu nội đồng có diện tích tưới từ 50 ha trở lên. 2. Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ 100%, nguồn vốn huyện hỗ trợ 30% để thực hiện Kiên cố hóa kênh mương, hệ thống kênh tưới, tiêu nội đồng có diện tích tưới dưới 50 ha.	

Phụ lục II

KẾT QUẢ HOÀN THIỆN THỦY LỢI NỘI ĐỒNG ĐẾN THÁNG 5/2019

(Kèm theo Công văn số 1357/UBND-KTTC ngày 01 /7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng diện tích đất trồng lúa (theo quy hoạch)	ha	125.000,00	Lấy theo diện tích gieo trồng
2	Diện tích đất trồng lúa được tưới	ha	101.684,00	Chỉ thống kê diện tích tưới từ công trình thủy lợi
3	Diện tích đất trồng lúa áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	ha	-	
4	Tổng diện tích cây trồng cạn (theo quy hoạch)	ha	204.400,00	
5	Diện tích cây trồng cạn được tưới	ha	98.889,89	Chỉ thống kê diện tích tưới từ công trình thủy lợi
6	Diện tích cây trồng cạn áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	ha	32.592,00	
7	Diện tích nuôi trồng thủy sản cần cấp thoát nước	ha	2.253,00	
8	Diện tích nuôi trồng thủy sản đã được cấp thoát nước chủ động	ha	1.374,32	Chỉ thống kê diện tích tưới từ công trình thủy lợi
9	Tổng số Km kênh mương cấp 3 và kênh mương nội đồng	Km	420,862	
10	Tổng số Km kênh mương cấp 3 và kênh mương nội đồng được kiên cố hóa	Km	265,129	
11	Số hồ chứa có dung tích từ 50.000 đến 500.000 m3	hồ	-	
12	Số hồ chứa có dung tích nhỏ hơn 50.000 m3	hồ	-	
13	Số Trạm bơm có tổng lưu lượng từ 1000 m3/h đến 3600 m3/h	trạm	4	
14	Số Trạm bơm có tổng lưu lượng nhỏ hơn 1000 m3/h	trạm	-	
15	Số Đập dâng có chiều cao từ 5 đến 10m	đập	-	Loại đập đã kiên cố
16	Số Đập dâng có chiều cao nhỏ hơn 5m	đập	1	Loại đập đã kiên cố
17	Số Cống có chiều rộng thoát nước <5m (riêng ĐBSCL <10m)	cống	7.811	
18	Số lượng Tổ chức thủy lợi cơ sở hiện nay:	tổ chức	277	
18.1	+ HTX Nông nghiệp có dịch vụ thủy lợi:	HTX	15	
18.2	+ HTX dùng nước (HTX chuyên khâu thủy lợi):	HTX	9	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18.3	+ Tổ hợp tác:	Tổ	253	Được thành lập theo Nghị định 151 về tổ hợp tác, có hợp đồng hợp tác, không trực thuộc HTX hay Ban Quản lý thủy lợi xã
18.4	+ Mô hình khác (UBND xã, Ban thủy lợi xã…):			Ghi rõ loại hình và số lượng của từng loại hình

Phụ lục III

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THỦY LỢI GIAI ĐOẠN 2011-2019

(Kèm theo Công văn số 1382/UBND-KTTC ngày 01 /7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Nội dung	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020				Lũy kế
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	T5/2019	
I	**Huyện nông thôn mới (theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016)**						
1	Tổng số huyện trong tỉnh						
2	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới						
3	Số huyện đạt tiêu chí thủy lợi						
II	**Xã nông thôn mới**						
1	Tổng số xã xây dựng nông thôn mới						
2	Số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới	16	6	4	9		35
3	Số xã đã đạt tiêu chí thủy lợi	16	6	4	9		35
4	Số xã đã đạt chỉ tiêu 3.1 của tiêu chí thủy lợi	16	6	4	9		35
III	**Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (theo Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018)**						

Ghi chú: - Số liệu giai đoạn 2011-2015: Ghi số liệu lũy kế đến Tháng 12/2015;

- Số liệu 2016 --> T5/2019: Ghi số liệu của từng năm
- Số liệu lũy kế = Tổng số liệu từ 2015 đến Tháng 5 năm 2019.

Phụ lục IV

KẾT QUẢ PHÂN BỔ, HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ HOÀN THIỆN THỦY LỢI NỘI ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2011-2019

(Kèm theo Công văn số 1887/UBND-KTTC ngày 01/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Giai đoạn	Vốn trực tiếp từ Chương trình MTQG NTM		Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án	Vốn tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng cộng
		NSTW	NSĐP						
1	2011-2015	1.800	10.710	2.450	3.410		85,62		18.455,62
2	2016-2019		79.155	12.478	3.174	100	265,68		95.172,68
	Tổng cộng:	**1.800**	**89.865**	**14.928**	**6.584**	**100**	**351,30**		**113.628,30**

Phụ lục V

KẾT QUẢ PHÂN BỔ NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 1387/UBND-KTTC ngày 01 /7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Nội dung	Tổng kinh phí được cấp (tỷ đồng)	Kinh phí phân bổ (tỷ đồng)								
		Giao Chi cục TL quản lý	Giao Doanh nghiệp KTCTTL quản lý	Giao Trung tâm QLKT CTTL quản lý	Giao về UBND huyện quản lý					Tổng cộng
					Tổng	Giao cho Phòng NN huyện trực tiếp quản lý	Giao cho UBND Xã quản lý	Giao cho Hợp tác xã quản lý	Khác	
Kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2018	76,615		76,615							76,615

Phụ lục VI

DỰ KIẾN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI NHỎ, THỦY LỢI NỘI ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Công văn số 1387/UBND-KTTC ngày 04/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Vốn tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng cộng
1	Đập dâng							
2	Nâng cấp, sửa chữa đập cao su hồ chứa nước Tha La, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	45.000						45.000
3	Đầu tư kênh tưới, kênh tiêu	530.000	77.940		120.700			728.640
4	Đầu tư 08 công trình trạm bơm và hệ thống kênh sau trạm bơm	184.590	662.390		406.940			1.253.920
5	Đầu tư 04 hệ thống công trình đê bao		105.445			45.190		150.635
	Tổng cộng:	**759.590**	**845.775**	**0**	**527.640**	**45.190**		**2.178.195**